

CÔNG TY CỔ PHẦN
YÊN SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2026/CVYS

Hưng Yên, ngày 27 tháng 03 năm 2026

V/v Đăng tải thông tin tiếp nhận hồ
sơ đăng ký mua nhà ở xã hội thuộc
dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư
mới trên địa bàn phường Nhân Hoà,
thị xã Mỹ Hào

SỞ XÂY DỰNG TỈNH HƯNG YÊN	
ĐẾN	Số:.....
	Ngày:.....
Chuyển:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Nhà Ở số 27/2023/QH15 được Quốc Hội thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2023 và các Văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 số 43/2024/QH15 được Quốc Hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH13 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thi điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội; Căn cứ Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10 tháng 11 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực nhà ở,

Căn cứ Quyết định số 257/UBND- KT1 ngày 28/02/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công nhận chủ đầu tư Dự án Khu dân cư mới trên địa bàn xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào;



Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới trên địa bàn xã Nhân Hoà, huyện Mỹ Hòa

Căn cứ Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 123/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 22/5/2018, điều chỉnh lần thứ hai ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh.

Căn cứ Văn bản số 2556/UBND-TH ngày 30/8/2024 của UBND tỉnh về việc hiệu đính nội dung tại Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh.

Căn cứ Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 50/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 22/5/2018, điều chỉnh lần thứ ba ngày 10/3/2026 của UBND tỉnh.

Công ty cổ phần Yên Sơn là Chủ đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới trên địa bàn phường Nhân Hoà, thị xã Mỹ Hòa.

Thực hiện quy định của pháp luật về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, Công ty chúng tôi kính đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên xem xét, thực hiện đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng các thông tin liên quan đến việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới trên địa bàn phường Nhân Hoà, thị xã Mỹ Hòa theo quy định, nhằm bảo đảm việc cung cấp thông tin rộng rãi, minh bạch để các đối tượng có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định pháp luật được biết và thực hiện đăng ký mua nhà ở xã hội tại Dự án.

Nội dung thông tin đăng tải được đính kèm Báo cáo này.

Kính mong được Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên quan tâm giúp đỡ.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Dũng



THÔNG BÁO

(Về việc công khai thông tin tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới trên địa bàn phường Nhân Hoà, thị xã Mỹ Hào)

1. **Tên dự án:** Nhà ở xã hội thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới trên địa bàn phường Nhân Hoà, thị xã Mỹ Hào.
2. **Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Yên Sơn.
3. **Địa điểm xây dựng:** Phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
4. **Thời điểm bắt đầu tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua:** Từ ngày 26/04/2026.
5. **Thời điểm kết thúc tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua:** Đến hết ngày 26/05/2026.
Trường hợp quá thời hạn đăng ký mua mà chưa đủ số hồ sơ tương ứng với số căn hộ dự kiến đưa vào bán, Chủ đầu tư sẽ mở đợt tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội đợt tiếp theo cho đến khi hết số căn hộ.
6. **Địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua:** Tại dự án trên địa bàn Phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
7. **Số lượng căn hộ nhà ở xã hội dự kiến đưa vào bán:** 280 căn hộ (theo Danh sách đính kèm).
8. **Diện tích các căn hộ:** Từ 29,59 m² đến 70,08 m² (Nội dung chi tiết theo Danh sách đính kèm)
9. **Giá bán nhà ở xã hội:** 20.315.000 đồng/m² (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chưa bao gồm kinh phí bảo trì theo quy định)
10. **Thành phần hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:** Theo hướng dẫn tại Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ; Nghị định số 261/2025/ND-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ; Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ; Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Xây dựng; Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Bộ Xây dựng và Thông tư số 08/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ Xây dựng.
11. **Thông tin đăng tải trên:**
 - Website của chủ đầu tư: <https://majesticcity.com.vn/>;
 - Website của Sở xây dựng Hưng Yên: <https://soxaydung.hungyen.gov.vn/>.

Kính mời Quý khách hàng có nhu cầu xin liên hệ để đăng ký và được hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ mua căn hộ tại Dự án.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dũng

**DANH SÁCH CÁC CĂN HỘ NOXH DỰ KIẾN ĐƯA VÀO BÁN TẠI DỰ ÁN NHÀ Ở
XÃ HỘI THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ MỚI TRÊN ĐỊA BÀN
PHƯỜNG NHÂN HÒA, THỊ XÃ MỸ HẠO**

(Đính kèm Báo cáo số 11/2026/CVYS của Công ty Cổ phần Yên Sơn ngày 27/03/2026)

STT	Tòa	Mẫu căn	Tầng	Căn số	Mã sản phẩm	Diện tích (m2)
1	CT01	CH2	02	01	CT010201	51.74
2	CT01	CH2	02	02	CT010202	51.74
3	CT01	CH2	02	03	CT010203	51.74
4	CT01	CH2	02	04	CT010204	51.74
5	CT01	CH1	02	05	CT010205	60.64
6	CT01	CH1	02	06	CT010206	60.64
7	CT01	CH1	02	07	CT010207	60.64
8	CT01	CH1	02	08	CT010208	60.64
9	CT01	CH1	02	09	CT010209	60.64
10	CT01	CH1	02	10	CT010210	60.64
11	CT01	CH1	02	11	CT010211	60.64
12	CT01	CH1	02	12	CT010212	60.64
13	CT01	CH3	02	13	CT010213	40.9
14	CT01	CH2A	02	14	CT010214	53.72
15	CT01	CH2A	02	15	CT010215	53.72
16	CT01	CH1A	02	16	CT010216	70
17	CT01	CH1	02	17	CT010217	60.64
18	CT01	CH1	02	18	CT010218	60.64
19	CT01	CH1	02	19	CT010219	60.64
20	CT01	CH2	03	01	CT010301	51.74
21	CT01	CH2	03	02	CT010302	51.74
22	CT01	CH2	03	03	CT010303	51.74
23	CT01	CH2	03	04	CT010304	51.74
24	CT01	CH1	03	05	CT010305	60.64
25	CT01	CH1	03	06	CT010306	60.64
26	CT01	CH1	03	07	CT010307	60.64
27	CT01	CH1	03	08	CT010308	60.64
28	CT01	CH1	03	09	CT010309	60.64
29	CT01	CH1	03	10	CT010310	60.64
30	CT01	CH1	03	11	CT010311	60.64
31	CT01	CH1	03	12	CT010312	60.64
32	CT01	CH3	03	13	CT010313	40.9
33	CT01	CH2A	03	14	CT010314	53.72
34	CT01	CH2A	03	15	CT010315	53.72
35	CT01	CH1A	03	16	CT010316	70
36	CT01	CH1	03	17	CT010317	60.64
37	CT01	CH1	03	18	CT010318	60.64
38	CT01	CH1	03	19	CT010319	60.64
39	CT01	CH2	04	01	CT010401	51.74
40	CT01	CH2	04	02	CT010402	51.74
41	CT01	CH2	04	03	CT010403	51.74
42	CT01	CH2	04	04	CT010404	51.74
43	CT01	CH1	04	05	CT010405	60.64

STT	Tòa	Mẫu căn	Tầng	Căn số	Mã sản phẩm	Diện tích (m2)
44	CT01	CH1	04	06	CT010406	60.64
45	CT01	CH1	04	07	CT010407	60.64
46	CT01	CH1	04	08	CT010408	60.64
47	CT01	CH1	04	09	CT010409	60.64
48	CT01	CH1	04	10	CT010410	60.64
49	CT01	CH1	04	11	CT010411	60.64
50	CT01	CH1	04	12	CT010412	60.64
51	CT01	CH3	04	13	CT010413	40.9
52	CT01	CH2A	04	14	CT010414	53.72
53	CT01	CH2A	04	15	CT010415	53.72
54	CT01	CH1A	04	16	CT010416	70
55	CT01	CH1	04	17	CT010417	60.64
56	CT01	CH1	04	18	CT010418	60.64
57	CT01	CH1	04	19	CT010419	60.64
58	CT01	CH2	05	01	CT010501	51.74
59	CT01	CH2	05	02	CT010502	51.74
60	CT01	CH2	05	03	CT010503	51.74
61	CT01	CH2	05	04	CT010504	51.74
62	CT01	CH1	05	05	CT010505	60.64
63	CT01	CH1	05	06	CT010506	60.64
64	CT01	CH1	05	07	CT010507	60.64
65	CT01	CH1	05	08	CT010508	60.64
66	CT01	CH1	05	09	CT010509	60.64
67	CT01	CH1	05	10	CT010510	60.64
68	CT01	CH1	05	11	CT010511	60.64
69	CT01	CH1	05	12	CT010512	60.64
70	CT01	CH3	05	13	CT010513	40.9
71	CT01	CH2A	05	14	CT010514	53.72
72	CT01	CH2A	05	15	CT010515	53.72
73	CT01	CH1A	05	16	CT010516	70
74	CT01	CH1	05	17	CT010517	60.64
75	CT01	CH1	05	18	CT010518	60.64
76	CT01	CH1	05	19	CT010519	60.64
77	CT01	CH2	06	01	CT010601	51.74
78	CT01	CH2	06	02	CT010602	51.74
79	CT01	CH2	06	03	CT010603	51.74
80	CT01	CH2	06	04	CT010604	51.74
81	CT01	CH1	06	05	CT010605	60.64
82	CT01	CH1	06	06	CT010606	60.64
83	CT01	CH1	06	07	CT010607	60.64
84	CT01	CH1	06	08	CT010608	60.64
85	CT01	CH1	06	09	CT010609	60.64
86	CT01	CH1	06	10	CT010610	60.64
87	CT01	CH1	06	11	CT010611	60.64
88	CT01	CH1	06	12	CT010612	60.64
89	CT01	CH3	06	13	CT010613	40.9
90	CT01	CH2A	06	14	CT010614	53.72

STT	Tòa	Mẫu căn	Tầng	Căn số	Mã sản phẩm	Diện tích (m2)
91	CT01	CH2A	06	15	CT010615	53.72
92	CT01	CH1A	06	16	CT010616	70
93	CT01	CH1	06	17	CT010617	60.64
94	CT01	CH1	06	18	CT010618	60.64
95	CT01	CH1	06	19	CT010619	60.64
96	CT01	CH2	07	01	CT010701	51.74
97	CT01	CH2	07	02	CT010702	51.74
98	CT01	CH2	07	03	CT010703	51.74
99	CT01	CH2	07	04	CT010704	51.74
100	CT01	CH1	07	05	CT010705	60.64
101	CT01	CH1	07	06	CT010706	60.64
102	CT01	CH1	07	07	CT010707	60.64
103	CT01	CH1	07	08	CT010708	60.64
104	CT01	CH1	07	09	CT010709	60.64
105	CT01	CH1	07	10	CT010710	60.64
106	CT01	CH1	07	11	CT010711	60.64
107	CT01	CH1	07	12	CT010712	60.64
108	CT01	CH3	07	13	CT010713	40.9
109	CT01	CH2A	07	14	CT010714	53.72
110	CT01	CH2A	07	15	CT010715	53.72
111	CT01	CH1A	07	16	CT010716	70
112	CT01	CH1	07	17	CT010717	60.64
113	CT01	CH1	07	18	CT010718	60.64
114	CT01	CH1	07	19	CT010719	60.64
115	CT01	CH1	08	01	CT010801	60.64
116	CT01	CH1	08	02	CT010802	60.64
117	CT01	CH1	08	03	CT010803	60.64
118	CT01	CH1	08	04	CT010804	60.64
119	CT01	CH1	08	05	CT010805	60.64
120	CT01	CH1	08	06	CT010806	60.64
121	CT01	CH1	08	07	CT010807	60.64
122	CT01	CH1B	08	08	CT010808	29.59
123	CT01	CH1B	08	09	CT010809	29.59
124	CT01	CH4	08	10	CT010810	64.05
125	CT02	CH1	02	01	CT020201	60.64
126	CT02	CH1	02	02	CT020202	60.64
127	CT02	CH1	02	03	CT020203	60.64
128	CT02	CH1	02	04	CT020204	60.64
129	CT02	CH1	02	05	CT020205	60.64
130	CT02	CH1	02	06	CT020206	60.64
131	CT02	CH2B	02	07	CT020207	58.09
132	CT02	CH2	02	08	CT020208	51.74
133	CT02	CH2	02	09	CT020209	51.74
134	CT02	CH1	02	10	CT020210	60.64
135	CT02	CH1	02	11	CT020211	60.64
136	CT02	CH1	03	01	CT020301	60.64
137	CT02	CH1	03	02	CT020302	60.64

STT	Tòa	Mẫu căn	Tầng	Căn số	Mã sản phẩm	Diện tích (m2)
138	CT02	CH1	03	03	CT020303	60.64
139	CT02	CH1	03	04	CT020304	60.64
140	CT02	CH1	03	05	CT020305	60.64
141	CT02	CH1	03	06	CT020306	60.64
142	CT02	CH2B	03	07	CT020307	58.09
143	CT02	CH2	03	08	CT020308	51.74
144	CT02	CH2	03	09	CT020309	51.74
145	CT02	CH1	03	10	CT020310	60.64
146	CT02	CH1	03	11	CT020311	60.64
147	CT02	CH1	04	01	CT020401	60.64
148	CT02	CH1	04	02	CT020402	60.64
149	CT02	CH1	04	03	CT020403	60.64
150	CT02	CH1	04	04	CT020404	60.64
151	CT02	CH1	04	05	CT020405	60.64
152	CT02	CH1	04	06	CT020406	60.64
153	CT02	CH2B	04	07	CT020407	58.09
154	CT02	CH2	04	08	CT020408	51.74
155	CT02	CH2	04	09	CT020409	51.74
156	CT02	CH1	04	10	CT020410	60.64
157	CT02	CH1	04	11	CT020411	60.64
158	CT02	CH1	05	01	CT020501	60.64
159	CT02	CH1	05	02	CT020502	60.64
160	CT02	CH1	05	03	CT020503	60.64
161	CT02	CH1	05	04	CT020504	60.64
162	CT02	CH1	05	05	CT020505	60.64
163	CT02	CH1	05	06	CT020506	60.64
164	CT02	CH2B	05	07	CT020507	58.09
165	CT02	CH2	05	08	CT020508	51.74
166	CT02	CH2	05	09	CT020509	51.74
167	CT02	CH1	05	10	CT020510	60.64
168	CT02	CH1	05	11	CT020511	60.64
169	CT02	CH1	06	01	CT020601	60.64
170	CT02	CH1	06	02	CT020602	60.64
171	CT02	CH1	06	03	CT020603	60.64
172	CT02	CH1	06	04	CT020604	60.64
173	CT02	CH1	06	05	CT020605	60.64
174	CT02	CH1	06	06	CT020606	60.64
175	CT02	CH2B	06	07	CT020607	58.09
176	CT02	CH2	06	08	CT020608	51.74
177	CT02	CH2	06	09	CT020609	51.74
178	CT02	CH1	06	10	CT020610	60.64
179	CT02	CH1	06	11	CT020611	60.64
180	CT02	CH1	07	01	CT020701	60.64
181	CT02	CH1	07	02	CT020702	60.64
182	CT02	CH1	07	03	CT020703	60.64
183	CT02	CH1	07	04	CT020704	60.64
184	CT02	CH1	07	05	CT020705	60.64

STT	Tòa	Mẫu căn	Tầng	Căn số	Mã sản phẩm	Diện tích (m2)
185	CT02	CH1	07	06	CT020706	60.64
186	CT02	CH2B	07	07	CT020707	58.09
187	CT02	CH2	07	08	CT020708	51.74
188	CT02	CH2	07	09	CT020709	51.74
189	CT02	CH1	07	10	CT020710	60.64
190	CT02	CH1	07	11	CT020711	60.64
191	CT02	CH1	08	01	CT020801	60.64
192	CT02	CH1	08	02	CT020802	60.64
193	CT02	CH1	08	03	CT020803	60.64
194	CT02	CH1	08	04	CT020804	60.64
195	CT02	CH1	08	05	CT020805	60.64
196	CT02	CH1	08	06	CT020806	60.64
197	CT02	CH2B	08	07	CT020807	58.09
198	CT02	CH2	08	08	CT020808	51.74
199	CT02	CH2	08	09	CT020809	51.74
200	CT02	CH1	08	10	CT020810	60.64
201	CT02	CH1	08	11	CT020811	60.64
202	CT02	CH1	09	01	CT020901	60.64
203	CT02	CH1	09	02	CT020902	60.64
204	CT02	CH1	09	03	CT020903	60.64
205	CT02	CH1	09	04	CT020904	60.64
206	CT02	CH1	09	05	CT020905	60.64
207	CT02	CH1	09	06	CT020906	60.64
208	CT02	CH2B	09	07	CT020907	58.09
209	CT02	CH2	09	08	CT020908	51.74
210	CT02	CH2	09	09	CT020909	51.74
211	CT02	CH1	09	10	CT020910	60.64
212	CT02	CH1	09	11	CT020911	60.64
213	CT03	CH03	02	01	CT030201	52.51
214	CT03	CH04	02	02	CT030202	70.08
215	CT03	CH05	02	03	CT030203	51.12
216	CT03	CH01	02	04	CT030204	61.81
217	CT03	CH01	02	05	CT030205	61.81
218	CT03	CH02	02	06	CT030206	65.49
219	CT03	CH01	02	07	CT030207	61.81
220	CT03	CH01	02	08	CT030208	61.81
221	CT03	CH01	02	09	CT030209	61.81
222	CT03	CH03	03	01	CT030301	52.51
223	CT03	CH04	03	02	CT030302	70.08
224	CT03	CH05	03	03	CT030303	51.12
225	CT03	CH01	03	04	CT030304	61.81
226	CT03	CH01	03	05	CT030305	61.81
227	CT03	CH02	03	06	CT030306	65.49
228	CT03	CH01	03	07	CT030307	61.81
229	CT03	CH01	03	08	CT030308	61.81
230	CT03	CH01	03	09	CT030309	61.81
231	CT03	CH03	04	01	CT030401	52.51

STT	Tòa	Mẫu căn	Tầng	Căn số	Mã sản phẩm	Diện tích (m2)
232	CT03	CH04	04	02	CT030402	70.08
233	CT03	CH05	04	03	CT030403	51.12
234	CT03	CH01	04	04	CT030404	61.81
235	CT03	CH01	04	05	CT030405	61.81
236	CT03	CH02	04	06	CT030406	65.49
237	CT03	CH01	04	07	CT030407	61.81
238	CT03	CH01	04	08	CT030408	61.81
239	CT03	CH01	04	09	CT030409	61.81
240	CT03	CH03	05	01	CT030501	52.51
241	CT03	CH04	05	02	CT030502	70.08
242	CT03	CH05	05	03	CT030503	51.12
243	CT03	CH01	05	04	CT030504	61.81
244	CT03	CH01	05	05	CT030505	61.81
245	CT03	CH02	05	06	CT030506	65.49
246	CT03	CH01	05	07	CT030507	61.81
247	CT03	CH01	05	08	CT030508	61.81
248	CT03	CH01	05	09	CT030509	61.81
249	CT03	CH03	06	01	CT030601	52.51
250	CT03	CH04	06	02	CT030602	70.08
251	CT03	CH05	06	03	CT030603	51.12
252	CT03	CH01	06	04	CT030604	61.81
253	CT03	CH01	06	05	CT030605	61.81
254	CT03	CH02	06	06	CT030606	65.49
255	CT03	CH01	06	07	CT030607	61.81
256	CT03	CH01	06	08	CT030608	61.81
257	CT03	CH01	06	09	CT030609	61.81
258	CT03	CH03	07	01	CT030701	52.51
259	CT03	CH04	07	02	CT030702	70.08
260	CT03	CH05	07	03	CT030703	51.12
261	CT03	CH01	07	04	CT030704	61.81
262	CT03	CH01	07	05	CT030705	61.81
263	CT03	CH02	07	06	CT030706	65.49
264	CT03	CH01	07	07	CT030707	61.81
265	CT03	CH01	07	08	CT030708	61.81
266	CT03	CH01	07	09	CT030709	61.81
267	CT03	CH06A	08	01	CT030801	62.9
268	CT03	CH01	08	02	CT030802	61.81
269	CT03	CH01	08	03	CT030803	61.81
270	CT03	CH02	08	04	CT030804	65.49
271	CT03	CH01	08	05	CT030805	61.81
272	CT03	CH01	08	06	CT030806	61.81
273	CT03	CH01	08	07	CT030807	61.81
274	CT03	CH06	09	01	CT030901	62.9
275	CT03	CH01	09	02	CT030902	61.81
276	CT03	CH01	09	03	CT030903	61.81
277	CT03	CH02	09	04	CT030904	65.49
278	CT03	CH01	09	05	CT030905	61.81

196
TỶ
IẢN
30
HƯ

STT	Tòa	Mẫu căn	Tầng	Căn số	Mã sản phẩm	Diện tích (m2)
279	CT03	CH01	09	06	CT030906	61.81
280	CT03	CH01	09	07	CT030907	61.81

